

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2017

đã được kiểm toán

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban lãnh đạo	2 – 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	5 – 38
Bảng cân đối kế toán	5 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 – 38

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Vang Thăng Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2017 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vang Thăng Long được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103001012 ngày 03 tháng 5 năm 2002, và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại bao gồm:

- Sản xuất rượu vang;
- Bán buôn thực phẩm (Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm chế biến);
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh (Chi tiết: Sản xuất đồ uống có cồn);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa phân vào đâu (Chi tiết: Buôn bán các mặt hàng tiêu dùng, tư liệu sản xuất).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Phạm Xuân Hà	Chủ tịch HĐQT	Đại diện pháp luật của Công ty
Bà Phan Thị Bích Ngọc	Ủy viên	
Ông Hoàng Minh Thọ	Ủy viên	
Ông Trần Vũ Tuấn	Ủy viên	
Ông Phạm Ngọc Quý	Ủy viên	

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này là:

Bà Trần Thị Hoàng Liên	Kế toán trưởng
------------------------	----------------

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban lãnh đạo (tiếp theo)

- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng;
- Lập Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Lãnh đạo Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Hà Nội, ngày 08 tháng 5 năm 2017

TM. Ban lãnh đạo

Chủ tịch HĐQT





Số: 224 /2017/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN LÃNH ĐẠO
CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long, được lập ngày 08 tháng 5 năm 2017, từ trang 05 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban lãnh đạo

Ban lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Hà Nội, ngày 08 tháng 5 năm 2017

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Phó Giám đốc

Kiểm toán viên



Bùi Ngọc Hà

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0662-2013-152-1

Trần Thị Linh

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2949-2014-152-1

Headquarters

29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City
Tel: (84-08) 3910 4881 *Fax: (84-08) 3910 4880
Email: infohem@aascn.com.vn Web: www.aascn.com.vn

Branch in Hanoi

No15, Alley 640, Lang Road, Dong Da Dist., Hanoi
Tel: (84-04) 3793 1428 *Fax: (84-04) 3793 1429
Email: admin@namviethn.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		82.342.012.450	86.078.304.624
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	983.918.855	3.759.584.178
1.	Tiền	111		983.918.855	3.759.584.178
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	3.750.000.000	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		3.750.000.000	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		20.354.273.031	32.269.727.102
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	16.001.544.342	25.450.640.884
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.371.689.105	3.919.258.761
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	2.981.039.584	2.899.827.457
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.05	57.148.567.582	49.954.529.723
1.	Hàng tồn kho	141		57.148.567.582	49.954.529.723
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		105.252.982	94.463.621
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	84.832.063	94.463.621
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	20.420.919	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		46.323.406.900	34.884.798.122
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	3.794.380.000
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.03	-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	44.380.000
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.04	-	3.750.000.000
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		17.907.863.210	13.952.341.946
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	17.883.234.183	13.917.827.691
	- Nguyên giá	222		54.094.724.135	49.460.083.285
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(36.211.489.952)	(35.542.255.594)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.08	24.629.027	34.514.255
	- Nguyên giá	228		95.000.000	95.000.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(70.370.973)	(60.485.745)
III.	Bất động sản đầu tư	230	V.09	-	7.144.297.448
1.	Nguyên giá	231		-	8.261.425.803
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	(1.117.128.355)
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.06	2.538.642.544	2.213.122.373
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.538.642.544	2.213.122.373
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	4.400.000.000	4.300.000.000
1.	Đầu tư vào công ty con	251		3.100.000.000	3.100.000.000
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		100.000.000	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.200.000.000	1.200.000.000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		21.476.901.146	3.480.656.355
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	21.476.901.146	3.480.656.355
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		128.665.419.350	120.963.102.746

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		97.975.454.396	89.822.553.724
I.	Nợ ngắn hạn	310		94.285.809.456	86.800.059.580
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	7.596.942.544	2.574.881.496
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		17.552.464.867	12.975.338.066
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	6.963.013.253	7.605.119.267
4.	Phải trả người lao động	314		511.420.703	601.250.995
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	62.133.570	87.200.000
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	1.563.627.028	708.841.020
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	60.034.636.738	62.245.857.983
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.570.753	1.570.753
13.	Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II.	Nợ dài hạn	330		3.689.644.940	3.022.494.144
1.	Phải trả người bán dài hạn	331	V.12	-	509.488.387
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7.	Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11	3.689.644.940	2.513.005.757
9.	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10.	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13.	Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		30.689.964.954	31.140.549.022
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.16	30.689.964.954	31.140.549.022
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		27.000.000.000	27.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		27.000.000.000	27.000.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5.	Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		1.475.755.461	1.475.755.461
9.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.214.209.493	2.664.793.561
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		54.793.561	21.161.652
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		2.159.415.932	2.643.631.909
12.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	V.17	-	-
1.	Nguồn kinh phí	431		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		128.665.419.350	120.963.102.746

Hà Nội, ngày 08 tháng 5 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT



Trần Thị Hoàng Liên



Trần Thị Hoàng Liên



Phạm Xuân Hà

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01 tháng 4 năm 2016 đến ngày 31 tháng 3 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	80.736.248.820	79.690.378.142
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	227.746.554	479.116.636
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		80.508.502.266	79.211.261.506
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	62.277.843.531	66.050.910.615
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		18.230.658.735	13.160.350.891
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	244.582.958	1.010.520.827
7.	Chi phí tài chính	22	VI.05	6.296.954.640	5.783.721.000
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		6.296.954.640	5.783.068.015
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.08	4.247.364.021	2.490.367.437
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	4.805.286.681	4.948.759.185
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.125.636.351	948.024.096
11.	Thu nhập khác	31	VI.06	927.090.909	2.395.477.788
12.	Chi phí khác	32	VI.07	858.729.596	166.361.116
13.	Lợi nhuận khác	40		68.361.313	2.229.116.672
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.193.997.664	3.177.140.768
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	1.034.581.732	533.508.859
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		2.159.415.932	2.643.631.909

Hà Nội, ngày 08 tháng 5 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT





Trần Thị Hoàng Liên

Trần Thị Hoàng Liên

Phạm Xuân Hà

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ ngày 01 tháng 4 năm 2016 đến ngày 31 tháng 3 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		93.384.697.316	89.890.640.654
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(59.019.536.612)	(62.428.295.863)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(5.460.507.352)	(8.032.119.708)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		(6.327.609.820)	(5.870.386.605)
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		(1.500.365.436)	(543.857.430)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3.820.562.621	53.233.940
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(15.831.683.455)	(23.701.278.442)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		9.065.557.262	(10.632.063.454)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(6.029.146.454)	(5.367.156.597)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		927.090.909	1.069.090.909
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3.750.000.000)	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(100.000.000)	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		244.582.958	1.010.520.827
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(8.707.472.587)	(3.287.544.861)

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		64.846.626.541	81.543.398.466
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(65.881.208.603)	(67.861.701.691)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.099.167.936)	(1.620.000.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.133.749.998)	12.061.696.775
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(2.775.665.323)	(1.857.911.540)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		3.759.584.178	5.617.495.718
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		983.918.855	3.759.584.178

Hà Nội, ngày 08 tháng 5 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT





Trần Thị Hoàng Liên

Trần Thị Hoàng Liên

Phạm Xuân Hà

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 4 năm 2016 đến ngày 31 tháng 3 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính từ ngày 01 tháng 4 năm 2016 đến ngày 31 tháng 3 năm 2017 bao gồm:

- Sản xuất rượu vang;
- Bán buôn thực phẩm (Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm chế biến);
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh (Chi tiết: Sản xuất đồ uống có cồn);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa phân vào đâu (Chi tiết: Buôn bán các mặt hàng tiêu dùng, tư liệu sản xuất).

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là dưới 12 tháng.

05. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc gồm:

<i>Tên đơn vị</i>		<i>Địa chỉ</i>		
Công ty Cổ phần Vang Thăng Long – Chi nhánh Ninh Thuận		Số 62a Lê Duẩn, thành phố Phan Rang, Tháp Chàm, Ninh Thuận		
- Danh sách Công ty con gồm:				
<i>Tên công ty con</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ tại ngày cuối năm</i>	<i>Quyền biểu quyết của Công ty mẹ</i>	
			<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
Công ty TNHH MTV Rượu Vang Thăng Long	Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	100%	100%	100%
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Địa ốc Thăng Long	Số 343 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	100%	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Danh sách các công ty liên doanh, liên kết gồm:

Tên công ty liên kết	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty tại ngày cuối năm	Quyền biểu quyết của Công ty	
			Cuối năm	Đầu năm
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long	Số 181 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	45%	45%	-

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 4 năm trước và kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm sau.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

II. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban lãnh đạo đảm bảo Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

02. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các Công ty liên kết được xác định theo giá gốc. Giá gốc bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

03. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
- TSCĐ hữu hình khác	08 - 12 năm
- Phần mềm máy vi tính	08 năm
- Website	08 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

06. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Các chi phí phát sinh sau khi đưa bất động sản đầu tư vào sử dụng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt mức hoạt động tiêu chuẩn được đánh giá ban đầu thì các khoản chi phí này được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

Khấu hao

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định không được khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa

25 năm

07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

08. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

09. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư bán trong năm, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các chi phí khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	71.168.420	1.093.848.768
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	912.750.435	2.665.735.410
Cộng	983.918.855	3.759.584.178

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

02. Các khoản đầu tư tài chính

Đơn vị tính: VND

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư ngắn hạn	3.750.000.000	3.750.000.000	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn ^(*)	3.750.000.000	3.750.000.000	-	-
Cộng	3.750.000.000	3.750.000.000	-	-

(*): Khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hai Bà Trưng, lãi suất 6,5%/năm.

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm						
	% lợi ích	% quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	% lợi ích	% quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Đầu tư vào công ty con			3.100.000.000	3.100.000.000	-			3.100.000.000	3.100.000.000	-
+ Công ty TNHH 1 TV rượu vang Thăng Long	100	100	3.000.000.000	3.000.000.000	-	100	100	3.000.000.000	3.000.000.000	-
+ Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Địa ốc Thăng Long	100	100	100.000.000	100.000.000	-	100	100	100.000.000	100.000.000	-
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			100.000.000	100.000.000	-			-	-	-
+ Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long ^(a)	45	45	100.000.000	100.000.000	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư vào đơn vị khác			1.200.000.000	1.200.000.000	-			1.200.000.000	1.200.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Rượu Hapro	2,5	2,5	1.000.000.000	1.000.000.000	-	2,5	2,5	1.000.000.000	1.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Bao bì nhựa Thăng Long	4,76	4,76	200.000.000	200.000.000	-	4,7	4,7	200.000.000	200.000.000	-
Cộng			4.400.000.000	4.400.000.000	-			4.300.000.000	4.300.000.000	-

(*): Giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định theo giá trị ghi sổ do không có cơ sở để xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(a) Trong năm công ty góp 100.000.000 đồng vào Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long. Vốn cam kết góp của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long là 270.000.000 đồng (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu) chiếm 45% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Vang Thăng Long. Vốn thực góp tại thời điểm 31 tháng 3 năm 2017 là 100.000.000 đồng, vốn góp thiếu là 170.000.000 đồng.

Đơn vị tính: VND

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, Công ty liên kết trong năm:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty TNHH MTV Rượu Vang Thăng Long</i>		
- Bán hàng hóa, thành phẩm	10.235.403.637	54.356.736.514
- Cho thuê nhân lực	-	1.389.274.000
- Cho thuê kho, văn phòng, ô tô	-	1.800.000.000
- Doanh thu vận chuyển	300.387.548	-
- Chuyển lợi nhuận về Công ty	-	918.811.616
- Chiết khấu thương mại	-	413.231.623
- Hàng bán bị trả lại	227.746.554	30.235.802
- Chi phí hoa hồng đại lý	1.688.841.601	-
<i>Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long</i>		
Doanh thu bán hàng hóa	123.255.253	-
Doanh thu bán thành phẩm	28.285.275.682	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.043.636.832	-
Chuyển tiền góp vốn	100.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Phải thu của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	16.001.544.342	25.450.640.884
- Công ty TNHH MTV Rượu Vang Thăng Long	5.806.636.182	22.161.244.843
- Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long	7.017.384.544	-
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	3.177.523.616	3.289.396.041
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	16.001.544.342	25.450.640.884
c. Phải thu khách hàng là các bên liên quan		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	12.824.020.726	22.161.244.843
- Công ty TNHH MTV Rượu Vang Thăng Long	5.806.636.182	22.161.244.843
- Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long	7.017.384.544	-
Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	12.824.020.726	22.161.244.843

04. Phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
a. Ngắn hạn	2.981.039.584	-	2.899.827.457	-
- Tạm ứng	710.808.554	-	1.093.260.417	-
- Phải thu khác	2.270.231.030	-	1.806.567.040	-
b. Dài hạn	-	-	3.750.000.000	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-	3.750.000.000	-
Cộng	2.981.039.584	-	6.649.827.457	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	7.694.403.542	-	4.942.074.624	-
- Công cụ, dụng cụ	514.811.961	-	585.435.287	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	38.156.337.725	-	33.875.568.411	-
- Thành phẩm	4.918.852.060	-	6.294.781.798	-
- Hàng hoá	1.381.041.674	-	1.095.019.079	-
- Hàng gửi đi bán	4.483.120.620	-	3.161.650.524	-
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	57.148.567.582	-	49.954.529.723	-

06. Tài sản dở dang dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2.538.642.544	2.213.122.373
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2.538.642.544	2.213.122.373
+ Công trình 181 Lạc Long Quân	929.691.727	929.691.727
+ Công trình 45 Lạc Long Quân	973.659.328	973.659.328
+ Công trình 343 Lạc Long Quân	635.291.489	309.771.318
Cộng	2.538.642.544	2.213.122.373

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>13.355.914.367</i>	<i>30.902.737.758</i>	<i>2.905.469.690</i>	<i>349.239.818</i>	<i>1.946.721.652</i>	<i>49.460.083.285</i>
- Mua trong năm	-	6.012.782.818	-	-	-	6.012.782.818
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.378.141.968)	-	-	-	(1.378.141.968)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>13.355.914.367</i>	<i>35.537.378.608</i>	<i>2.905.469.690</i>	<i>349.239.818</i>	<i>1.946.721.652</i>	<i>54.094.724.135</i>
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>9.679.323.439</i>	<i>22.823.143.090</i>	<i>1.530.949.395</i>	<i>323.188.082</i>	<i>1.185.651.588</i>	<i>35.542.255.594</i>
- Khấu hao trong năm	361.173.780	1.302.629.194	221.543.832	9.248.124	152.781.396	2.047.376.326
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.378.141.968)	-	-	-	(1.378.141.968)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>10.040.497.219</i>	<i>22.747.630.316</i>	<i>1.752.493.227</i>	<i>332.436.206</i>	<i>1.338.432.984</i>	<i>36.211.489.952</i>
III. Giá trị còn lại						
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>3.676.590.928</i>	<i>8.079.594.668</i>	<i>1.374.520.295</i>	<i>26.051.736</i>	<i>761.070.064</i>	<i>13.917.827.691</i>
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	<i>3.315.417.148</i>	<i>12.789.748.292</i>	<i>1.152.976.463</i>	<i>16.803.612</i>	<i>608.288.668</i>	<i>17.883.234.183</i>

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 24.735.391.291 đồng.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 27.404.339.735 đồng và 11.269.480.623 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng và Ngân hàng TMCP Tiên Phong.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Website	Tổng cộng
I. Nguyên giá			
Số dư đầu năm	60.000.000	35.000.000	95.000.000
- Mua trong năm	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm	60.000.000	35.000.000	95.000.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	45.768.745	14.717.000	60.485.745
- Khấu hao trong năm	5.510.232	4.374.996	9.885.228
- Tăng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm	51.278.977	19.091.996	70.370.973
III. Giá trị còn lại			
1. Tại ngày đầu năm	14.231.255	20.283.000	34.514.255
2. Tại ngày cuối năm	8.721.023	15.908.004	24.629.027

09. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
I. Nguyên giá bất động sản đầu tư				
	8.261.425.803	-	(8.261.425.803)	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	8.261.425.803	-	(8.261.425.803)	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
	1.117.128.355	247.842.774	(1.364.971.129)	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	1.117.128.355	247.842.774	(1.364.971.129)	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
III. Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư				
	7.144.297.448	-	(7.144.297.448)	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	7.144.297.448	-	(7.144.297.448)	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Chi phí trả trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	84.832.063	94.463.621
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	-
- Phí bảo hiểm	47.204.644	71.623.621
- Các khoản khác	37.627.419	22.840.000
b. Dài hạn	21.476.901.146	3.480.656.355
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	244.005.508	267.767.962
- Trả trước tiền thuê đất tại Cụm công nghiệp thực phẩm Hapro	20.248.935.200	2.559.141.518
- Chi phí sửa chữa	836.242.664	401.746.875
- Chi phí khác	147.717.774	252.000.000
Cộng	<u>21.561.733.209</u>	<u>3.575.119.976</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONGSố 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	62.245.857.983	62.245.857.983	63.332.282.441	65.543.503.686	60.034.636.738	60.034.636.738
- Vay ngân hàng	40.551.784.376	40.551.784.376	50.544.719.566	51.567.276.895	39.529.227.047	39.529.227.047
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Tây Hồ ^(a)	8.145.737.927	8.145.737.927	9.716.562.994	8.145.737.927	9.716.562.994	9.716.562.994
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng ^(b)	14.188.361.043	14.188.361.043	22.211.332.724	18.479.734.850	17.919.958.917	17.919.958.917
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong ^(c)	18.217.685.406	18.217.685.406	18.616.823.848	24.941.804.118	11.892.705.136	11.892.705.136
- Vay đối tượng khác	20.718.253.771	20.718.253.771	11.201.906.975	13.000.406.955	18.919.753.791	18.919.753.791
+ Các cá nhân ^(d)	20.718.253.771	20.718.253.771	11.201.906.975	13.000.406.955	18.919.753.791	18.919.753.791
- Vay dài hạn đến hạn trả	975.819.836	975.819.836	1.585.655.900	975.819.836	1.585.655.900	1.585.655.900
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong ^(e)	583.819.836	583.819.836	1.193.655.900	583.819.836	1.193.655.900	1.193.655.900
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Sơn ^(f)	392.000.000	392.000.000	392.000.000	392.000.000	392.000.000	392.000.000
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	2.513.005.757	2.513.005.757	3.100.000.000	1.923.360.817	3.689.644.940	3.689.644.940
Từ 1 năm đến 5 năm	2.513.005.757	2.513.005.757	3.100.000.000	1.923.360.817	3.689.644.940	3.689.644.940
- Vay ngân hàng	2.513.005.757	2.513.005.757	3.100.000.000	1.923.360.817	3.689.644.940	3.689.644.940
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong ^(e)	1.043.005.757	1.043.005.757	3.100.000.000	1.531.360.817	2.611.644.940	2.611.644.940
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Sơn ^(f)	1.470.000.000	1.470.000.000	-	392.000.000	1.078.000.000	1.078.000.000
Cộng	64.758.863.740	64.758.863.740	66.432.282.441	67.466.864.503	63.724.281.678	63.724.281.678

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (a): Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Tây Hồ để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay được đảm bảo bằng hàng tồn kho luân chuyển bao gồm các loại nguyên vật liệu, vật tư sản xuất thành phẩm rượu và quyền thuê đất tại địa chỉ số 343 đường Lạc Long Quân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, lãi suất vay từ 8,8%/năm đến 9%/năm.
- (b): Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp 03 xe ô tô 03 xe nâng hàng, 108 tank inox, hợp đồng tiền gửi, 58 tank inox và thế chấp một số tài sản của ông Phạm Xuân Hà - Chủ tịch Hội đồng quản trị tại số 8a phố Đặng Tất, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội lãi suất vay từ 8,8%/năm đến 9%/năm.
- (c): Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong để bổ sung vốn lưu động và mở thư tín dụng nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ nguyên vật liệu sản xuất rượu vang, thành phẩm và quyền thuê đất tại kho Vĩnh Tuy, xã Thanh Trì, huyện Thanh Trì, Hà Nội, lãi suất vay từ 8,8%/năm đến 9%/năm.
- (d): Khoản vay các đối tượng khác để phục vụ sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp, lãi suất từ 9%/năm đến 9,5%/năm.
- (e): Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong để thanh toán tiền mua Tank và ô tô. Khoản vay được đảm bảo bằng tín chấp, lãi suất 9,5%/năm - 9,6%/năm.
- (f): Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Sơn để thanh toán tiền mua tank inox, hệ thống xiết nắp chai và máy chiết rót rượu vào chai. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản hình thành từ vốn vay, lãi suất 8,27%/năm.

12. Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán ngắn hạn	7.596.942.544	7.596.942.544	2.574.881.496	2.574.881.496
- Công ty TNHH thủy tinh Sanmiguel Yamamura Hải phòng	4.209.420.600	4.209.420.600	2.266.127.325	2.266.127.325
- Công ty Cổ phần Rượu Hapro	1.197.752.667	1.197.752.667	-	-
- Công ty TNHH Quốc Hưng	840.000.000	840.000.000	-	-
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	1.349.769.277	1.349.769.277	308.754.171	308.754.171
b. Phải trả người bán dài hạn	-	-	509.488.387	509.488.387
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng & Công trình Kiến trúc Hà Nội	-	-	443.786.433	443.786.433
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	-	-	65.701.954	65.701.954
Cộng	7.596.942.544	7.596.942.544	3.084.369.883	3.084.369.883

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế GTGT đầu ra	-	237.436.813	1.483.908.491	838.304.994	-	883.040.310
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	6.865.223.480	8.969.486.507	9.794.659.896	-	6.040.050.091
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	445.362.785	1.034.581.732	1.500.365.436	20.420.919	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	57.096.189	284.555.728	301.729.065	-	39.922.852
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	3.226.855.069	3.226.855.069	-	-
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	-	7.000.000	7.000.000	-	-
Cộng	-	7.605.119.267	15.006.387.527	15.668.914.460	20.420.919	6.963.013.253

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

14. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	62.133.570	87.200.000
- Chi phí lãi vay	62.133.570	56.000.000
- Chi phí phải trả khác	-	31.200.000
b. Dài hạn	-	-
Cộng	62.133.570	87.200.000

15. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	1.563.627.028	708.841.020
- Kinh phí công đoàn	23.341.992	59.946.983
- Bảo hiểm xã hội	-	59.720.011
- Bảo hiểm y tế	-	43.501.492
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	20.155.355
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.540.285.036	525.517.179
+ <i>Cổ tức phải trả</i>	60.832.064	-
+ <i>Lãi vay phải trả</i>	-	36.788.750
+ <i>Các đối tượng khác</i>	1.479.452.972	488.728.429
b. Dài hạn	-	-
Cộng	1.563.627.028	708.841.020

16. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	27.000.000.000	1.475.755.461	2.124.482.828	30.600.238.289
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lãi/(lỗ) trong năm trước	-	-	2.643.631.909	2.643.631.909
Tăng khác	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	(2.103.321.176)	(2.103.321.176)
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	27.000.000.000	1.475.755.461	2.664.793.561	31.140.549.022
Số dư đầu năm nay	27.000.000.000	1.475.755.461	2.664.793.561	31.140.549.022
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-
Lãi/(lỗ) trong năm nay	-	-	2.159.415.932	2.159.415.932
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận ^(*)	-	-	(2.610.000.000)	(2.610.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	27.000.000.000	1.475.755.461	2.214.209.493	30.689.964.954

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

(*): Chi tiết phân phối lợi nhuận năm nay

	<u>Số cuối năm</u>
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	450.000.000
Trích cổ tức chi trả	2.160.000.000
Tổng phân phối lợi nhuận	<u>2.610.000.000</u>

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tỷ lệ</u>
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Thương mại Hà Nội	10.799.550.000	40	10.799.550.000	40
Vốn góp của các cổ đông khác	16.200.450.000	60	16.200.450.000	60
Cộng	<u>27.000.000.000</u>	100	<u>27.000.000.000</u>	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	27.000.000.000	27.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	27.000.000.000	27.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.160.000.000	1.620.000.000

d. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.700.000	2.700.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.700.000	2.700.000
+ Cổ phiếu phổ thông	2.700.000	2.700.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.700.000	2.700.000
+ Cổ phiếu phổ thông	2.700.000	2.700.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

(*): Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

e. Các quỹ của Công ty

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Quỹ đầu tư phát triển	1.475.755.461	1.475.755.461
Cộng	<u>1.475.755.461</u>	<u>1.475.755.461</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

17. Nguồn kinh phí

	Năm nay	Năm trước
Nguồn kinh phí còn lại đầu năm	-	31.160.000
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	-	-
Chi sự nghiệp	-	(31.160.000)
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	-	-

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng hóa	30.835.792.011	30.750.946.075
- Doanh thu bán thành phẩm	29.719.478.747	43.914.803.106
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.371.054.380	-
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	17.809.923.682	5.024.628.961
Cộng	80.736.248.820	79.690.378.142

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
- Chiết khấu thương mại	-	448.880.834
- Giảm giá hàng bán	-	-
- Hàng bán bị trả lại	227.746.554	30.235.802
Cộng	227.746.554	479.116.636

03. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	30.733.582.804	29.939.030.147
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	21.631.245.016	35.696.316.021
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	122.521.512	-
- Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư	9.790.494.199	415.564.447
Cộng	62.277.843.531	66.050.910.615

04. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	244.582.958	92.059.211
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	918.461.616
Cộng	244.582.958	1.010.520.827

05. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	6.296.954.640	5.783.068.015
- Chi phí tài chính khác	-	652.985
Cộng	6.296.954.640	5.783.721.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	927.090.909	1.000.203.788
- Các khoản khác	-	1.395.274.000
Cộng	927.090.909	2.395.477.788

07. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Các khoản bị phạt	858.715.765	166.361.116
- Các khoản khác	13.831	-
Cộng	858.729.596	166.361.116

08. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	4.805.286.681	4.948.759.185
- Chi phí nhân viên quản lý	1.471.309.414	2.111.164.099
- Chi phí vật liệu quản lý	-	-
- Chi phí đồ dùng văn phòng	169.350.109	189.566.061
- Chi phí khấu hao TSCĐ	86.652.132	252.580.473
- Thuế, phí và lệ phí	1.822.423.461	1.510.655.506
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	695.570.780	252.536.604
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	559.980.785	632.256.442
b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	4.247.364.021	2.490.367.437
- Chi phí nhân viên	684.680.697	1.593.288.195
- Chi phí vật liệu, bao bì	12.870.429	3.436.183
- Chi phí khấu hao TSCĐ	126.816.792	212.548.256
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.085.416.670	353.027.055
- Các khoản chi phí bán hàng khác	2.337.579.433	328.067.748
c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-
Cộng	9.052.650.702	7.439.126.622

09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	1.034.581.732	533.508.859
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	1.034.581.732	533.508.859

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(*) Chi tiết tính thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Đơn vị tính: VND

	Năm nay			Năm trước
	Hoạt động chính	Chuyển nhượng BĐS	Tổng	
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(1.978.910.997)	5.172.908.661	3.193.997.664	3.177.140.768
Các khoản điều chỉnh tăng	858.715.765	-	858.715.765	166.361.116
Chi phí lãi chậm nộp bảo hiểm và thuế	858.715.765	-	858.715.765	166.361.116
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-	-	918.461.616
Lợi nhuận chuyển từ công ty con	-	-	-	918.461.616
Thu nhập tính thuế TNDN	(1.120.195.232)	5.172.908.661	4.052.713.429	2.425.040.268
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%		22%
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	-	1.034.581.732	1.034.581.732	533.508.859

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	14.537.454.066	22.342.139.315
- Chi phí nhân công	7.341.183.754	9.462.201.749
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.305.104.328	2.267.932.829
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.188.319.190	3.263.732.032
- Chi phí khác bằng tiền	7.129.689.667	5.396.425.755
Cộng	43.501.751.005	42.732.431.680

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban lãnh đạo Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 3 năm 2017 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.

02. Giao dịch với các bên liên quan**Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, thưởng, phụ cấp	238.267.808	638.187.455
Cộng	238.267.808	638.187.455

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH MTV Rượu Vang Thăng Long	Công ty con
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Địa ốc Thăng Long	Công ty con
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long	Công ty liên kết

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan được trình bày theo thuyết minh số V.03.

03. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh sau:

- Sản xuất: Sản xuất nước uống các loại có cồn và không có cồn, các loại bao bì;
- Thương mại: Kinh doanh các sản phẩm hàng hóa ăn uống, lương thực, thực phẩm chế biến, bao bì;
- Dịch vụ: Dịch vụ vận chuyển, dịch vụ nhân công;
- Kinh doanh bất động sản: Cho thuê văn phòng, kho bãi, nhà xưởng, chuyển nhượng bất động sản đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý kinh doanh của Công ty như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>				
	<u>Lĩnh vực sản xuất</u>	<u>Lĩnh vực thương mại</u>	<u>Lĩnh vực dịch vụ</u>	<u>Lĩnh vực kinh doanh bất động sản</u>	<u>Cộng</u>
Năm nay					
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	29.491.732.193	30.835.792.011	2.371.054.380	17.809.923.682	80.508.502.266
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	27.164.490.107	36.519.000.684	567.379.241	13.131.995.883	77.382.865.915
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	2.327.242.086	(5.683.208.673)	1.803.675.139	4.677.927.799	3.125.636.351
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	6.029.146.454	-	-	-	6.029.146.454
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	2.848.881.942	1.616.721.861	124.314.480	1.181.617.815	5.771.536.098
Số dư cuối năm					
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	66.305.956.817	32.170.829.164	2.473.709.298	18.581.005.216	119.531.500.495
- Tài sản không phân bổ					9.133.918.855
Tổng tài sản	66.305.956.817	32.170.829.164	2.473.709.298	18.581.005.216	128.665.419.350
- Nợ phải trả bộ phận	35.889.619.817	37.525.257.749	2.885.426.997	21.673.579.080	97.973.883.643
- Nợ phải trả không phân bổ					1.570.753
Tổng nợ phải trả	35.889.619.817	37.525.257.749	2.885.426.997	21.673.579.080	97.975.454.396

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực dịch vụ	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Cộng
Năm trước					
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	43.435.686.470	30.750.946.075	-	5.024.628.961	79.211.261.506
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	42.355.393.861	34.721.958.702	-	1.185.884.847	78.263.237.410
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	1.080.292.609	(3.971.012.627)	-	3.838.744.114	948.024.096
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	6.129.429.090	-	-	-	6.129.429.090
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	2.254.813.502	223.380.943	-	367.166.576	2.845.361.021
Số dư cuối năm trước					
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	97.551.078.205	3.895.103.621	-	11.457.336.742	112.903.518.568
- Tài sản không phân bổ					8.059.584.178
Tổng tài sản	97.551.078.205	3.895.103.621	-	11.457.336.742	120.963.102.746
- Nợ phải trả bộ phận	60.471.441.204	25.006.738.070	-	4.342.803.697	89.820.982.971
- Nợ phải trả không phân bổ					1.570.753
Tổng nợ phải trả	60.471.441.204	25.006.738.070	-	4.342.803.697	89.822.553.724

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	983.918.855	-	3.759.584.178	-	983.918.855	3.759.584.178
Phải thu khách hàng và phải thu khác	16.124.640.327	-	26.163.947.507	-	16.124.640.327	26.163.947.507
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	1.200.000.000	-	1.200.000.000	-	1.200.000.000	1.200.000.000
Cộng	18.308.559.182	-	31.123.531.685	-	18.308.559.182	31.123.531.685
	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý			
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm		
Nợ phải trả tài chính						
Phải trả cho người bán	7.596.942.544	3.084.369.883	7.596.942.544	3.084.369.883		
Vay và nợ	63.724.281.678	64.758.863.740	63.724.281.678	64.758.863.740		
Chi phí phải trả	62.133.570	87.200.000	62.133.570	87.200.000		
Các khoản phải trả khác	372.857.055	525.517.179	372.857.055	525.517.179		
Cộng	71.756.214.847	68.455.950.802	71.756.214.847	68.455.950.802		

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

05. Tài sản đảm bảo**Tài sản thế chấp cho đơn vị khác**

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.07 và V.11). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

Đơn vị tính: VND

Tài sản thế chấp	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Điều kiện thế chấp
Số cuối năm			
Tài sản thế chấp tại ngân hàng			
TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – CN Hai Bà Trưng			
Máy móc thiết bị	19.203.260.295	5.438.083.706	Giải chấp khi các
Phương tiện vận tải truyền dẫn	2.020.584.107	674.919.631	khoản vay được trả
Tài sản thế chấp tại ngân hàng			
TMCP Tiên Phong			
Máy móc thiết bị	5.352.210.000	4.678.420.454	Giải chấp khi các
Phương tiện vận tải truyền dẫn	828.285.333	478.056.832	khoản vay được trả
Tổng cộng	27.404.339.735	11.269.480.623	

06. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

07. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban lãnh đạo chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban lãnh đạo cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONGSố 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ				
Phải trả cho người bán	7.087.454.157	509.488.387	-	7.596.942.544
Vay và nợ	60.034.636.738	3.689.644.940	-	63.724.281.678
Chi phí phải trả	62.133.570	-	-	62.133.570
Các khoản phải trả khác	372.857.055	-	-	372.857.055
Cộng	67.557.081.520	4.199.133.327	-	71.756.214.847
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	2.574.881.496	509.488.387	-	3.084.369.883
Vay và nợ	62.245.857.983	2.513.005.757	-	64.758.863.740
Chi phí phải trả	87.200.000	-	-	87.200.000
Các khoản phải trả khác	525.517.179	-	-	525.517.179
Cộng	65.433.456.658	3.022.494.144	-	68.455.950.802

08. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 02 loại: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay. Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

09. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2016 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

10. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hà Nội, ngày 08 tháng 5 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT





Trần Thị Hoàng Liên

Trần Thị Hoàng Liên

Phạm Xuân Hà